**Phụ lục X**

**SỔ THEO DÕI TIẾP NHẬN, XỬ LÝ DỮ LIỆU PHẢN ÁNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ..../2022/TT-BGTVTngày ... tháng ... năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian tiếp nhận** | **Tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc tên phương tiện thông tin đại chúng đăng tải, mạng xã hội** | **Loại thông tin phản ánh** | **Hành vi, thời gian, địa điểm vi phạm** | **Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân bị phản ánh vi phạm** | **Đại diện tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin *(ký tên trong trường hợp cung cấp trực tiếp)*** | **Người tiếp nhận *(ký tên)*** | **Kết quả xác minh, xử lý** | **Ghi chú** |
| **Tên** | **Địa chỉ, số điện thoại liên hệ** | **Yêu cầu thông báo kết quả xác minh** |  | **ó vi phạm** | **Không vi phạm hoặc không đủ căn cứ để xác định vi phạm** |
| **Hành vi vi phạm** | **Tổ chức, cá nhân vi phạm** | **Kết quả xử lý vi phạm** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***\* Ghi chủ:***

* Cột (2): Ghi rõ giờ, phút, ngày, tháng, năm.
* Cột (5): Ghi “có” hoặc “không” trong trường hợp có hoặc không có yêu cầu thông báo kết quả xác minh.
* Cột (9): Để trống trong trường hợp tổ chức, cá nhân cung cấp từ chối ký tên.
* Cột (13): Ghi cụ thể kết quả xử lý (số tiền xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả, ...).
* Cột (14): Ghi cụ thể “không vi phạm” hoặc “không đủ căn cứ’.